TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EAKAR** TỈNH ĐẮK LẮK Bản án số: **67**/2024/DS-ST. Ngày: 26/9/2024. V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR – TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Nhã Phương.

- *Hội thẩm nhân dân*: Ông Lê Khắc Dũng, ông Phan Xuân Thắng.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Tất Tại- Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 329/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2023. Về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số:53/2024/QĐST-DS ngày 06/9/2024, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Ngân hàng N. Trụ sở: Số 2 đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hoàng K, Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Văn D. Chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh – Ngân hàng N Chi nhánh E, Đắk Lắk. (Vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- ***Bị đơn****:* Ông Lê Đại D, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn 1A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

******* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng N trình bày:*

+ Ngày 04/02/2020 ông Lê Đại D có đơn đề nghị vay vốn tại Ngân hàng N - Chi nhánh E - Đắk Lắk (sau đây viết tắt là Ngân hàng) số tiền: 60.000.000 đồng (bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng) để thực hiện mục đích: Mua các vật dụng sinh hoạt. Lãi suất vay là 11,5%/năm, lãi suất quá hạn : 150% lãi suất trong hạn; Thời

hạn vay: 36 tháng kể từ ngày 04/02/2020 đến 03/02/2023. Phân làm 03 kỳ trả nợ như sau:

Kỳ 01:03/02/2021 trả 15.000.000 đồng;

Kỳ 02 ngày 03/02/2022 trả 20.000.000 đồng;

Kỳ 03 ngày 03/02/2023 trả 25.000.000 đồng.

Sau khi khách hàng cung cấp đầy đủ hồ sơ vay vốn theo quy định cho vay tiêu dùng thì Ngân hàng và ông Lê Đại D đã tiến hành ký kết hợp đồng tín dụng số 5202LAV202000351 ngày 04/02/2020 với nội dung vay vốn nêu trên.

Quá trình thực hiện việc trả nợ ông D chỉ mới trả cho Ngân hàng được 44.731.048đ nợ gốc và 13.549.700đ tiền lãi.

Ông Lê Đại D đã vi phạm Hợp đồng tín dụng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần tạo điều kiện, nhiều lần đôn đốc thu hồi nợ và yêu cầu ông Lê Đại D thanh toán nợ quá hạn nhưng ông Lê Đại D vẫn cố tình trây ỳ, không hợp tác, không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tính đến 26/9/2024 tổng số tiền ông Lê Đại D còn nợ Ngân hàng N chi nhánh E, Đắk Lắk là: 19.763.584đ, trong đó gồm 15.268.952đ nợ gốc và 4.494.632đ tiền lãi phải trả.

Việc vay tín dụng không có bảo đảm bằng tài sản.

Ông Lê Đại D đã vi phạm nghĩa vụ cam kết với N tại Khoản 2 Điều 5 của hợp đồng tín dụng số 5202LAV202000351 ký ngày 04/02/2020, vì vậy Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Tuyên buộc ông Lê Đại D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho N toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến hết ngày 26/9/2024 là: 19.763.584đ, trong đó: Nợ gốc 15.268.952 đ; nợ lãi: 4.494.632đ.

2. Tuyên buộc ông Lê Đại D phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 5202LAV202000351 ký ngày 04/02/2020, kể từ ngày 27/9/2024 cho đến ngày ông Lê Đại D trả hết nợ cho Ngân hàng.

*Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng của Toà án cho bị đơn ông Lê Đại D nhưng ông D không đến Toà án làm việc, không cung cấp ý kiến trình bày để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

*** Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã ban hành các quyết định, cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; Qúa trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán đã giải thích đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự. Các đương sự chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 144, 147, 161, 162,

227, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, 280, 463, 466 và 468 BLDS 2015.

- Áp dụng Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng; Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2022 về sửa đổi một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc buộc ông Lê Đại D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền 19.763.584đ,trong đó: Nợ gốc15.268.952 đ; nợ lãi tính đến ngày 26/9/2024 là 4.494.632đ cũng như lãi suất phát sinh cho đến ngày trả hết nợ.

Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng N khởi kiện ông Lê Đại D về tranh chấp hợp đồng tín dụng là hợp đồng dân sự, tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn ông Lê Đại D có nơi cư trú tại huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk và nơi các bên giao kết hợp đồng tại huyện Ea Kar. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện EaKar theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà, nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Xét hợp đồng tín dụng số 5202LAV202000351 ký ngày 04/02/2020 giữa Ngân hàng N – Chi nhánh E, tỉnh Đắk Lắk với ông Lê Đại D. Số tiền vay: 60.000.000 đồng để thực hiện mục đích: Mua các vật dụng sinh hoạt. Lãi suất vay là 11,5%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày 04/02/2020 đến 03/02/2023. Phân làm 03 kỳ trả nợ như sau: Kỳ

01:03/02/2021 trả 15.000.000 đồng; Kỳ 02 ngày 03/02/2022 trả 20.000.000 đồng; Kỳ 03 ngày 03/02/2023 trả 25.000.000 đồng.

Bị đơn ông D vắng mặt không tham gia giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn. Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành trưng cấu giám định chữ ký, chữ viết theo quy định pháp luật và đã có kết luận giám định số 1331/KL-KTHS ngày 23/8/2024 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Chữ ký và chữ viết của ông Lê Đại D trong hợp đồng tín dụng số 5202LAV202000351 ký ngày 04/02/2020 so sánh với chữ ký và chữ viết của ông Lê Đại D trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra. Do đó, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là đúng. HĐXX xét thấy các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc ký hợp đồng tín dụng được thực hiện đúng theo trình tự pháp luật về tín dụng Ngân hàng nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật. Ông Lê Đại D đã nhận đủ tiền vay 60.000.000 đồng nhưng ông Lê Đại D chỉ mới trả được 44.731.048đ nợ gốc và 13.549.700đ tiền lãi là không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thoả thuận. Đã quá thời hạn trả nợ, bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi là vi phạm thỏa thuận của hợp đồng.

Yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 91, 92, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 280, 466 Bộ luật dân sự. HĐXX xét thấy cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 15.268.952đ là có căn cứ.

2.2. Về lãi suất: Căn cứ thỏa thuận lãi suất tại hợp đồng tín dụng số 5202LAV202000351 ký ngày 04/02/2020thì mức lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận là 11,5%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn là phù hợp, số tiền lãi mà Ngân hàng yêu cầu là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Như vậy, tổng cả gốc và lãi mà ông Lê Đại D phải trả cho Ngân hàng là 19.763.584đ, trong đó: Nợ gốc 15.268.952 đ; Nợ lãi tạm tính đến ngày 26/9/2024 là 4.494.632đ và lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ.

3. Về chi phí tố tụng trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết: Quá trinh giải quyết vụ án, chi phí cho việc trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết là 5.500.000đ nguyên đơn Ngân hàng đã đóng tạm ứng và đã chi trả xong. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc ông Lê Đại D phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chi phí trưng cầu giám định này là 5.500.000đ (năm triệu, năm trăm ngàn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn ông Lê Đại D phải chịu 988.000đ tiền án phí Dân sự sơ thẩm (theo mức 19.763.584đ x 5%)

- Hoàn trả cho Ngân hàng N 437.202đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (do ông Phùng Thanh Bình nộp thay) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số AA/2023/0000172 ngày 27/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tại phiên tòa là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 144, 147, 161, 162, 227, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, 280, 463, 466 và 468 BLDS 2015.

- Áp dụng Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Quy chế cho vay của cá tổ chức tín dụng; Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2022 về sửa đổi một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]Tuyên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

- Buộc ông Lê Đại D phải trả cho Ngân hàng N số tiền 19.763.584đ, trong đó: Nợ gốc 15.268.952 đ; Nợ lãi tính đến ngày 26/9/2024 là 4.494.632đ.

Từ ngày 27/9/2024 ông Lê Đại D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh đối với số tiền gốc chưa thanh toán với mức lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 5202LAV202000351 ký ngày 04/02/2020 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

[2] Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết:

Buộc ông Lê Đại D phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền 5.500.000đ chi phí trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết.

[4] Về án phí:

- Ông Lê Đại D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 988.000đ.

- Hoàn trả cho Ngân hàng N 437.202đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (do ông Phùng Thanh Bình nộp thay) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số AA/2023/0000172 ngày 27/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

[5]. Quyền kháng cáo:

- Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự."

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận
- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THADS huyện EaKar;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Nhã Phương